

Bản án số: 34/2017/HSST

Ngày 20 - 7 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhẫn và ông Lê Mạnh Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đình Lương, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 26/2017/HSST ngày 17 tháng 5 năm 2017 đối với:

Bị cáo Lê Công Tuấn A, sinh năm 1993; trú tại: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Hà Thị T và chưa có con; tiền sự, tiền án: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17 tháng 12 năm 2016 đến nay, có mặt.

Người bị hại: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1987; trú tại: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1984; trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Anh Vũ Văn N, sinh năm 1979; trú tại: Thôn X, xã G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3. Anh Đàm Hữu T, sinh năm 1996; trú tại: Xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

4. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1993; trú tại: Thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; trú tại: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Công Tuấn A bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do biết anh Nguyễn Công T có chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning màu sơn bạc, BKS: 29A-183.70, Lê Công Tuấn A nảy sinh ý định mượn xe của anh T cầm lấy tiền. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 13 tháng 12 năm 2016, A điện thoại cho anh T nói có việc về quê vợ ở Yên Bái và hỏi mượn xe ô tô, anh T đồng ý. A đến nhà anh T và nói: “Anh cho em mượn xe ô tô để em về quê vợ ở Yên Bái, đến 14 giờ em về trả xe”, anh T đồng ý và nói: “Nhớ về đúng 14 giờ, không được uống rượu”, anh T đưa chìa khóa xe ô tô cho A (trong xe có đăng ký và đăng kiểm xe), A điều khiển xe đến thẳng nhà Trần Văn Đ để cầm xe.

Quá trình điều tra A khai nhận: Khi gặp Đ, A nói: “Anh cho em cầm xe ô tô lấy 30.000.000đ” Đ ra xem xe và hỏi: “Xe của ai”, A nói: “Xe của bạn”, Đ đồng ý và đưa cho A 28.500.000đ, cắt lãi 1.500.000đ, A viết giấy vay nợ, đưa giấy tờ, chìa khóa và giao xe cho Đ. A nhờ Đ đưa đến nhà anh Vũ Văn N chơi điện tử “Game Tip. Club” (hình thức chơi là lập nick tên nhân vật, tạo tài khoản chuyển tiền qua tài khoản cho người quản lý trên mạng không rõ tên và địa chỉ cụ thể lấy tiền ảo vào tài khoản để chơi), A nhờ anh N nạp 28,5M tương đương 28.500.000đ và chơi thua hết. Khoảng 9 giờ, A điện thoại yêu cầu Đ lấy thêm 20.000.000đ, Đ đi xe ô tô đến quán anh N, gọi A ra ngoài, A ngồi lên xe ô tô, Đ đưa cho A 19.000.000đ, cắt lãi 1.000.000đ và yêu cầu A viết giấy bán xe ô tô với giá 50.000.000đ, A tiếp tục vào quán chơi game, nạp 19M tương đương 19.000.000đ và chơi thua hết. Khoảng 14 giờ, A điện thoại yêu cầu Đ lấy thêm 20.000.000đ, Đ đi xe ô tô đến quán anh N, gọi A ra ngoài, Đ đưa cho A 19.000.000đ, cắt lãi 1.000.000đ và yêu cầu A viết giấy bán xe ô tô với giá 70.000.000đ, A tiếp tục vào quán chơi game thì gặp bạn là Đàm Hữu T đến chơi, T vay A 5.000.000đ, số tiền còn lại A nạp 14M tương đương với 14.000.000đ để chơi, đến 17 giờ thì mất điện, A nhờ T chở bằng xe máy đến nhà nghỉ T ở G, B, anh T đi về.

Khoảng 23 giờ, A điện thoại nhờ anh T đến đón, đến nơi anh T trả A 5.000.000đ và chở A ra quán điện tử (T.Ô) của anh Lê Văn T, sinh năm 1970 ở chợ V, thị trấn G, huyện B, anh T đi về nhà. A vào quán và điện thoại cho Nguyễn Văn D đến nạp hộ tiền, D đến nơi A đưa cho D 5.000.000đ để nạp 5M vào tài khoản game, nạp xong D đi về, A chơi đến khoảng 02 giờ ngày 14 tháng 12 năm 2016 thì thua hết, A đi bộ đến nhà nghỉ T.D ngủ.

Khoảng 09 giờ ngày 14 tháng 12 năm 2016, A điện thoại cho T nhờ đón và đưa đến nhà Trần Văn Đ. Đến nơi, T đứng ở ngoài, A đi vào gặp Đ lấy thêm 20.000.000đ, Đ đưa cho A 19.000.000đ, cắt lãi 1.000.000đ và yêu cầu A viết giấy bán xe ô tô với giá 90.000.000đ. Sau đó, A nhờ T đưa ra quán điện tử ở số nhà 77, đường H, phường H, thành phố V, T đi về, A vào quán chơi game nạp 19M tương đương 19.000.000đ đến khoảng 19 giờ A chơi thua hết và bỏ về nhà.

Ngày 17 tháng 12 năm 2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Lê Công Tuấn A, thu giữ: 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen bên trong lắp một sim số 0964746414.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 891/KL-HĐĐG ngày 22 tháng 12 năm 2016 Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo, kết luận: Giá trị còn lại của tài sản (01 xe ô tô Kia Morning, màu sơn bạc,

BKS: 29A-183.70 mua năm 2012 đã cũ, đã qua sử dụng) là 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Trần Văn Đ khai nhận: Ngày 13 tháng 12 năm 2016, A đi chiếc xe ô tô Kia Morning BKS: 29A-183.70 đến nhà Đ và nói “Em cần tiền có việc nên muốn bán chiếc xe này, anh có mua không”, Đ hỏi xe của ai thì A nói “Xe của em mới mua, có đầy đủ giấy tờ”, hai bên thỏa thuận và A bán cho Đ với giá 90.000.000đ. Sau khi mua xe, Đ sửa chữa hết hơn 20.000.000đ và bán cho một người tên là Nguyễn Thế V ở thành phố V với giá 120.000.000đ. Quá trình điều tra chưa xác định được đối tượng tên là V, sau khi Cơ quan điều tra lấy lời khai, Trần Văn Đ vắng mặt ở địa phương không rõ đi đâu nên chưa thu hồi được vật chứng, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với: Đàm Hữu T khi vay của A 5.000.000đ để chơi điện tử, T không biết nguồn gốc tiền và sau đó đã trả lại; Nguyễn Văn D và Vũ Văn N khi nạp tiền vào tài khoản chơi game hộ A không biết nguồn gốc tiền. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với T, D và N.

Về dân sự: Anh Nguyễn Công T yêu cầu Lê Công Tuấn A bồi thường trị giá chiếc xe ô tô là 250.000.000đ, Lê Công Tuấn A đồng ý bồi thường theo mức yêu cầu của anh T nhưng do đang bị tạm giam chưa có điều kiện để bồi thường. Ngày 07 tháng 7 năm 2017 bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ Lê Công Tuấn A) tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000đ để bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 31/KSĐT-KT ngày 17 tháng 5 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo đã truy tố Lê Công Tuấn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Công Tuấn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, phạt: Lê Công Tuấn A từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 17 tháng 12 năm 2016; đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Công T số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), xác nhận bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ bị cáo) đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Công Tuấn A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa Lê Công Tuấn A thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ khác được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở, kết luận: Do cần tiền tiêu sài cá nhân, Lê Công Tuấn A đã dùng thủ đoạn

gian đổi để mượn chiếc xe ô tô Kia Morning BKS: 29A-183.70 (trị giá 225.000.000đ) cùng toàn bộ giấy tờ xe của anh Nguyễn Công T sau đó đem cầm cố và viết giấy bán cho anh Trần Văn Đ được 90.000.000đ.

Hành vi của Lê Công Tuấn A đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự. Tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự quy định:

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng.”

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến chế độ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, gia đình bị cáo có công với Nhà nước (Mẹ bị cáo được tặng thưởng huy chương vì sự nghiệp giáo dục; ông bà nội và bà ngoại bị cáo được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến).

Về dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại anh Nguyễn Công T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 250.000.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường cho anh T số tiền là 250.000.000đ nhưng hiện bị cáo chưa có điều kiện để bồi thường, quá trình chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ để bồi thường. Vì vậy, cần buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho anh T số tiền là 240.000.000đ.

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen do bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu để phát mại sung quỹ Nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0964746414 do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng là phù hợp.

Bị cáo Lê Công Tuấn A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Công Tuấn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Công Tuấn A 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 17 tháng 12 năm 2016.

Áp dụng Điều 604, Điều 608 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc Lê Công Tuấn A bồi thường cho anh Nguyễn Công T số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng); xác nhận gia đình bị cáo (bà Nguyễn Thị M) đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ (tại Biên lai thu số 0001775 ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo), bị cáo Lê Công Tuấn A phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Công T số tiền là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu để phát mại sung quỹ Nhà nước đối với chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen và tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0964746414 của Lê Công Tuấn A (Có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 7 năm 2017).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo Lê Công Tuấn A nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Bị cáo, ĐS;
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu